

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 56/2026/DS-PT

Ngày: 16-9-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Thẩm phán: Ông Nông Đức Thọ, Bà Tô Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Trường Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2026/TLPT-DS ngày 14 Tháng 8 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Đăng D. Sinh năm: 1955

CCCD số: 024055003... Cấp ngày 02/10/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Xóm N (nay là xóm T), xã Đ, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

Các bị đơn:

1. Đường Văn Đ. Sinh năm: 1967

Số CCCD: 004067001... Cấp ngày 25/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Xóm K, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Mông Thị N. Sinh năm: 1968.

Số CCCD: 004168001... Cấp ngày 25/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Xóm K, xã Đ, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** **Hà Thị T**, Sinh năm: 1962. Số CCCD: 004162006... Cấp ngày 02/10/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Xóm N (nay là xóm T), xã Đ, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Đường Văn Đ:** **Bà Linh Thị A**. Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Đăng D, bà Hà Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025 và các lời khai nguyên đơn Nguyễn Đăng D trình trình bày:

Ông với ông Đường Văn Đ có mối quan hệ quen biết nhau, do ông làm dịch vụ cầm đồ nên ông Đ thường đến vay tiền với ông. Ngày 13/7/2021 ông Đ và vợ là bà Mông Thị N, đều trú tại xóm K, xã Đ, tỉnh Cao Bằng có vay tiền ông để đáo nợ ngân hàng số tiền là 172.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn). Thời hạn vay từ ngày 13/7/2021 tới 30/10/2021 lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/02/2026 và ngày 28/4/2026 ông D khai: Ngày 13/7/2021 ông Đ, bà N ra nhà ông nói có khoản vay ngân hàng cần đáo nợ nên muốn vay tiền ông để trả nợ Ngân hàng gấp. Ngày 13/7/2021, ông đã cho ông Đ vay 20.000.000 đồng. Sau khi ông Đ đến trả nợ Ngân hàng thì phía Ngân hàng không cho vay khoản vay mới nên ông Đ không trả được số tiền nợ cũ và nợ mới cho ông. Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2021 là tổng hợp số tiền vay từ trước ông Đ còn nợ ông và cả số tiền đáo nợ Ngân hàng ngày 13/7/2021. Các hợp đồng trước khi ký lại ông D đã hủy hết, chỉ còn giữ lại hợp đồng ngày 13/7/2021.

Hết thời hạn vay ông và bà T đã rất nhiều lần đến cơ quan ông Đ và vào nhà riêng ông Đ để đòi nợ, mỗi lần đến đòi nợ với ông Đ ông đều mang theo hợp đồng vay tiền. Thậm chí ông còn vào Ủy ban nhân dân xã T (cơ quan ông Đ) đòi tiền nhiều lần nhưng ông Đ và bà N vẫn chưa trả tiền cho ông. Lần cuối ông và bà T vào nhà ông Đ bà N đòi tiền là khoảng đầu năm 2022, lần đó không gặp ông Đ

nhưng có bà N ở nhà, bà N có bảo “Ông Đ không ở nhà và bảo bây giờ không có tiền trả”, sau đó ông có gọi nhiều lần cho ông Đ theo số điện thoại trên hợp đồng, lúc đầu ông Đ có nghe máy nhưng sau đó từ đầu năm 2023 ông không liên lạc được với ông Đ nữa.

Đến nay ông Đ và bà N vẫn chưa trả được cho ông số tiền gốc đã vay là 172.000.000 đồng. Do vậy, ngày 17/11/2025 ông đã làm đơn khởi kiện ông Đ và nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 172.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn) và tiền lãi trong hạn từ 13/7/2021 tới 30/10/2021 là 3%/tháng và số tiền lãi quá hạn từ ngày 30/10/2021 đến nay theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị đơn Đường Văn Đ trình bày:

Ông và ông Nguyễn Đăng D có mối quan hệ quen biết, trước đây ông được đến vay tiền ông D nhiều lần. Ngày 13/7/2021 ông và vợ là bà Mông Thị N có vay tiền ông Nguyễn Đăng D số tiền là 20.000.000 đồng để trả nợ và đáo hạn khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn – Chi nhánh Đ. Khi vợ chồng ông vay tiền của ông D thỏa thuận mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, việc thỏa thuận lãi suất chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ. Khi đến vay tiền, ông và bà N có được ký vào tờ hợp đồng vay tiền có in sẵn nhưng chưa có nội dung viết tay. Ông Đ xác nhận chỉ nợ ông D số tiền là 42.000.000 đồng và ông Đ chấp nhận trả số tiền này, tính lãi theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải ngày 28/4/2026 ông Đ khai: Ngày 13/7/2021 ông và bà N được đến vay với ông D. Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2021 ông và bà N được ký nhưng lúc đó chưa có nội dung vay tiền và cả số tiền vay. Sau khi hết thời hạn vay trong hợp đồng ông D đã đến cơ quan và nhà ông đòi nhiều lần. Lần cuối cùng ông D đến nhà ông đòi là vào khoảng cuối năm 2022, lúc đó ông và bà N có bảo sau vụ thạch sẽ thu xếp tiền để trả nợ nhưng sau đó gia đình có việc nên cũng không trả được. Từ cuối năm 2022, ông đã không sử dụng số điện thoại ghi trong hợp đồng vay tiền. Ông đã nghỉ hưu từ tháng 4/2023, sau khi nghỉ hưu thì không thấy ông D đến đòi lần nào. Nay ông xác nhận ông còn nợ ông D số tiền là 60.000.000 đồng và chỉ chấp nhận trả cho ông D số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Mông Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Đường Văn Đ. Trước đây bà cùng ông Đ có đi vay tiền của ông Nguyễn Đăng D 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Lần thứ hai tôi có được kí vào giấy vay tiền, nhưng trong giấy vay tiền chưa có nội dung số tiền vay,

lãi suất. Khoảng 2 đến 3 hôm sau chúng tôi có vay ngân hàng và trả cho ông D số tiền là 18.000.000 đồng và trước đây hàng tháng chúng tôi vẫn trả tiền lãi là 1.200.000 đồng/tháng. Từ năm 2021 chúng tôi chưa trả được tiền gốc và tiền lãi thêm lần nào nữa và bà T (Là vợ ông D) có nói với tôi là sau này chỉ cần trả tiền gốc là 42.000.000 đồng. Nay ông D khởi kiện yêu cầu tôi và ông Đ trả số tiền gốc là 172.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng thì tôi không nhất trí. Tôi chỉ nhất trí trả số tiền còn nợ là 42.000.000 đồng và lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2026 bà N xác nhận: Ngày 13/7/2021 vợ chồng bà được ký vào giấy vay tiền theo yêu cầu của ông D. Tuy nhiên, bà không được đọc nội dung đầy đủ của giấy vay trước khi ký, không được giữ bản giấy vay và không xác nhận số tiền vay là 172.000.000 đồng. Bà N thừa nhận được vay 20.000.000 đồng và đề nghị Tòa án xem xét nghĩa vụ thanh toán của hai vợ chồng đối với 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T trình bày: Ngày 13/7/2021, ông Đ và bà N có ra nhà bà và có nói với ông D là có khoản vay ngân hàng cần đáo nợ nên muốn vay tiền ông D để trả nợ Ngân hàng gấp. Ngày 13/7/2021, bà được đếm và đưa cho bà N số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi ông Đ, bà N đi trả nợ Ngân hàng thì phía Ngân hàng không cho vay khoản vay mới nên ông Đ không trả được số tiền nợ cũ và nợ mới cho chồng bà. Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2021 là tổng hợp số tiền vay từ trước ông Đ còn nợ ông D và cả tiền đáo nợ Ngân hàng ngày 13/7/2021, bà là người trực tiếp viết hợp đồng, số tiền bằng chữ và bằng số khác nhau là do bà viết nhầm, thực tế số tiền vay 172.000.000 đồng là tổng hợp từ các khoản vay trước đây ông Đ còn nợ. Sau khi ký xong hợp đồng ngày 13/7/2021 thì các hợp đồng trước ông D đã hủy hết, chỉ còn giữ lại hợp đồng ngày 13/7/2021 làm căn cứ. Bà nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Đăng D, ngoài ra không có ý kiến khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngoài hợp đồng vay tiền mặt ngày 13/7/2021, nguyên đơn, các bị đơn và người liên quan không cung cấp được tài liệu chứng minh cho lời khai của mình, việc vay tiền ngày 13/7/2021 chỉ có vợ chồng ông D, bà T và vợ chồng ông Đ, bà N biết, ngoài ra không có ai làm chứng. Ông Đ và bà N xác nhận chữ ký trong hợp đồng là chữ ký của mình, ông không yêu cầu giám định chữ ký hay giám định tuổi mực đối với hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2021.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự khai như sau:

Nguyên đơn Nguyễn Đăng D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến: Ngày 13/7/2021 ông Đ và bà N vay tiền ông để trả nợ Ngân hàng, ông xác nhận ngày 13/7/2021 ông và bà T được cho ông Đ vay 20.000.000 đồng. Sau khi ông Đ vay được tiền thì đi ra Ngân hàng trả nợ nhưng chưa vay lại được luôn nên ông Đ không trả được số tiền nợ cũ và nợ mới cho ông. Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2021 là tổng hợp số tiền vay 152.000.000 đồng từ trước ông Đ còn nợ ông và cả 20.000.000 đồng tiền vay ngày 13/7/2021 để đáo nợ Ngân hàng. Các hợp đồng trước ông đã hủy hết, chỉ còn giữ lại hợp đồng ngày 13/7/2021. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 172.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn), yêu cầu ông Đ, bà N trả tiền lãi trong hạn từ 13/7/2021 tới 30/10/2021 là 3%/tháng và số tiền lãi quá hạn từ ngày 31/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 16/7/2026, nguyên đơn Nguyễn Đăng D cung cấp Hợp đồng vay tiền mặt ngày 07/5/2018 (bản phô-tô) thể hiện số tiền vay là 60.000.000 đồng, thời hạn vay từ 07/5/2018 đến 06/6/2018, lãi suất là 3%/tháng. Theo nguyên đơn khai hợp đồng ngày 07/5/2018 là một trong số các hợp đồng vay của ông Đ hình thành số tiền vay 152.000.000 đồng trước ngày 13/7/2021.

Bị đơn Đường Văn Đ trình bày: Ngày 13/7/2021 ông và bà N được vay với ông D bà T số tiền 20.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng chứ không vay số tiền 172.000.000 đồng. Trước đó thì ông cũng có vay ông D nhưng đã thanh toán xong. Trong các lần vay ông đều không được giữ một bản hợp đồng nào. Nay ông xác nhận đối với các khoản vay trước đây ông đã trả hết và chỉ còn nợ ông D số tiền là 20.000.000 đồng vay ngày 13/7/2021 và chấp nhận trả cho ông D số tiền gốc là 20.000.000 đồng, ông Đ yêu cầu áp dụng thời hiệu không tính lãi suất do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn Mông Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên bà N có đơn trình bày ý kiến ngày 16/6/2026 như sau: Bà xác nhận ngày 13/7/2021 bà được cùng ông Đ đến nhà ông D vay số tiền 20.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Nay bà nhất trí trả 20.000.000 đồng, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 149, Điều 157, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 2, Khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đăng D. Buộc ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Đăng D số tiền (tính đến ngày 16/7/2026) là 30.613.698 đồng, trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.194.520 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 9.419.178 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đăng D về việc yêu cầu ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N thanh toán số tiền gốc là 152.000.000 đồng, lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với số tiền gốc 152.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2026, nguyên đơn Nguyễn Đăng D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị T kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng D.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung đã khai tại phiên toà sơ thẩm, nội dung kháng cáo, yêu cầu ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N trả số tiền gốc 172.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn từ 13/7/2021 đến 30/10/2021 là 3%/tháng và tiền lãi quá hạn từ ngày 30/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/7/2026 theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Đường Văn Đ vẫn giữ nguyên lời khai tại phiên toà sơ thẩm, ông và vợ là Mông Thị N chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đường Văn Đ trình bày: Giữ nguyên các ý kiến tại phiên toà sơ thẩm. Bị đơn xác định ngày 13/7/2021 bị

đơn chỉ được nhận thực tế là 20.000.000 đồng và tại Tòa án ông D khai nhận do ông D trước đây đều trả đúng hạn nên ngày 13/7/2021 đã tiếp tục cho ông D vay để đáo hạn ngân hàng và nguyên đơn khai khi viết giấy vay mới đã xoá giấy vay cũ vậy tại sao có giấy vay tiền ngày 07/5/2018 giao nộp cho Toà, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn giao nộp giấy vay năm 2018 bản phô tô, tại cấp phúc thẩm mới giao nộp giấy vay gốc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan toàn diện hợp đồng vay ngày 13/7/2021 về số tiền bằng số và số tiền bằng chữ là không khớp nhau, nguyên đơn không chứng minh được cụ thể các khoản vay trước còn tồn tại bao nhiêu để làm căn cứ cộng dồn thành số tiền 172.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng các bị đơn được ký tên trên hợp đồng nhưng khi ký chưa có nội dung viết tay. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 Cao Bằng, buộc ông Đường Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền 20.000.000 đồng tiền gốc cùng tiền lãi, tổng cộng là 30.613.698 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền 172.000.000 đồng và tiền lãi do nguyên đơn chưa chứng minh được thực tế đã giao nhận số tiền này.

Ông Đường Văn Đ nhất trí với ý kiến của người bảo vệ và quyền lợi hợp pháp và không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Từ khi Tòa án thụ lý vụ việc để xét xử phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án:

Về yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng vay tiền: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Đăng D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T tự nguyện rút yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Về yêu cầu xem xét hợp đồng ngày 13/7/2021 và buộc bị đơn thanh toán số tiền 172.000.000 đồng...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngày 02 tháng 8 năm 2026, nguyên đơn Nguyễn Đăng D kháng cáo Bản án số 14/2026/DS-ST ngày 21/7/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng là kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo hợp đồng vay tiền mặt ngày 13/7/2021, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán đến ngày 30/10/2021. Kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn thanh toán, nguyên đơn đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, kể từ ngày 31/10/2021 nguyên đơn đã biết và phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Nguyên đơn trình bày, sau khi đến hạn ông và bà T nhiều lần đến cơ quan, đến nhà của bị đơn để đòi nợ, lần cuối nguyên đơn đến đòi nợ là vào khoảng cuối năm 2022, đầu năm 2023 thì không liên lạc được với ông Đ theo số điện thoại trên hợp đồng. Phía bị đơn xác nhận nguyên đơn đến cơ quan và nhà đòi nợ nhiều lần, lần cuối vào khoảng cuối năm 2022 và bị đơn có hứa sau vụ thạch sẽ thu xếp trả tiền nhưng sau đó do gia đình có việc nên không trả được. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Đường Văn Đ và Mông Thị N thừa nhận nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 13/7/2021. Việc các bị đơn thừa nhận một phần nghĩa vụ đối với khoản vay là căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng trong vụ án này chưa hết, yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của các bị đơn là không có căn cứ và các bị đơn phải chịu lãi suất đối với khoản vay theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3.1]. Về Giấy vay tiền ngày 13/7/2021 và xác định số tiền vay:

Ngày 13/7/2021, các bên đều thừa nhận ông Đ đến vay số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D khẳng định ngày 13/7/2021 ông Đ và bà N đến vay số tiền 20.000.000 đồng và viết giấy vay với tổng cộng số tiền nợ cũ thành một giấy vay mới 172.000.000 đồng mà đang khởi kiện tại Toà. Còn ông Đ chỉ thừa nhận được vay 20.000.000 đồng, xác nhận được ký giấy vay tiền nhưng chưa ghi nội dung.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Lời khai của ông Đường Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án không thống nhất về số tiền vay, cụ thể: Ban đầu ông Đ thừa nhận nợ số tiền 42.000.000 đồng, đến ngày 28/4/2026 biên bản lấy lời khai và hoà giải xác nhận nợ ông D số tiền 60.000.000 đồng, nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm chỉ thừa nhận nợ ông D 20.000.000 đồng, nhưng đều không lý giải được tại sao không viết giấy vay số tiền 20.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, tại giấy vay tiền ngày 13/7/2026, số tiền bằng chữ 172.000.000 được viết trước, sau đó dòng chữ “một trăm bảy mươi hai nghìn” viết ở dòng sau. Như vậy, phần chữ chỉ là diễn giải cho số tiền được biết bằng số ở phía trên, phần số viết trước thể hiện sự ưu tiên trong việc thể hiện số tiền vay. Hơn nữa, ông Đ, bà N cho rằng chỉ được ký tên ngày 13/7/2021 chứ giấy vay không có nội dung, nhưng trong quá trình giải quyết sơ thẩm không có đương sự nào yêu cầu về giám định tuổi mực, hai ông bà cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết phần họ tên là của mình. Hơn nữa, Ông Nguyễn Đăng D và ông Đường Văn Đ có mối quan hệ vay mượn từ trước, trong đó ông Đ nhiều lần được vay tiền ông D. Các số tiền vay ông Đ thừa nhận có thay đổi lần lượt là 42.000.000 đồng, 60.000.000 đồng, 20.000.000 đồng đều không có sự liên quan đối với dòng chữ “một trăm bảy mươi hai nghìn”. Ông Nguyễn Đăng D là người kinh doanh cầm đồ, cho vay từ nhiều năm nay tại địa bàn huyện T, theo logic, vay số tiền 172.000 đồng không ai viết giấy vay tiền. Do đó, xét thấy sự giải thích của bà Hà Thị T về việc viết nhầm chữ “một trăm bảy mươi hai nghìn” cho số tiền 172.000.000 đồng là có cơ sở.

Hội đồng xét xử nhận định Giấy vay tiền ngày 07/5/2018 ông Nguyễn Đăng D cung cấp là chứng minh cho mối quan hệ vay tiền nhiều lần, trong thời gian dài giữa ông Đường Văn Đ và ông Nguyễn Đăng D.

Chính vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền vay gốc được xác định là 172.000.000 đồng. Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng D về số tiền vay gốc. Ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N phải chịu trách nhiệm về chữ ký trong giấy vay tiền ngày 13/7/2021.

[3.2]. Về số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu buộc ông Đường Văn Đ và bà Mông Thị N phải thanh toán tiền lãi đối với khoản vay với số tiền gốc là 172.000.000 đồng, lãi trong hạn từ 13/7/2021 đến 30/10/2021 là 3%/tháng và lãi quá hạn từ 31/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 13/7/2021 đến 30/10/2021 và lãi suất quá hạn từ ngày 31/10/2021 đến ngày xét xử 16/7/2026 theo quy định của pháp luật.

Lãi suất trên nợ gốc trong hạn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 lãi suất trong hạn được chấp nhận là 20%/năm tương đương 0,0548%/ ngày. Ông Đ bà N phải chịu số tiền lãi trong hạn của số tiền 172.000.000

đồng từ ngày 13/7/2021 đến 30/10/2021 là: $172.000.000,đ \times 20\%/365 \times 109 \text{ ngày} = 10.272.876,7 \text{ đồng}$.

Lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Theo hợp đồng vay tiền mặt ngày 13/7/2021 các bên chỉ thỏa thuận về lãi suất trong hạn là 3%/tháng, không thỏa thuận về lãi quá hạn. Lãi suất trong trường hợp này được xác định là lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xác định được tiền lãi trên nợ gốc quá hạn đối với số tiền 172.000.000 đồng từ ngày 31/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/7/2026 là: $172.000.000,đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 1.719 \text{ ngày} = 81.004.931,5 \text{ đồng}$.

Tổng tiền nợ gốc, lãi suất, lãi suất quá hạn ông Đường Văn Đ, bà Mông Thị N phải trả ông Nguyễn Đăng D là:

$172.000.000 \text{ đồng} + 10.272.876,7 \text{ đồng} + 81.004.931,5 \text{ đồng} = 263.277.808,2 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên đây, xét thấy cần phải sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Đăng D.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kháng cáo. Nội dung kháng cáo của bà T có cùng mục đích và yêu cầu với kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Đăng D. Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn đã được Hội đồng xét xử phân tích và chấp nhận toàn bộ, nên kháng cáo của bà Hà Thị T cũng có đủ căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Do kháng cáo của ông Nguyễn Đăng D và bà Hà Thị T được chấp nhận, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đường Văn Đ, bà Mông Thị N đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và các đương sự đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí sung Ngân sách nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025),

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đăng D và bà Hà Thị T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 21/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng.

Căn cứ Điều 149, Điều 157, Điều 288, Điều 289, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc Ông Đường Văn Đ, bà Mông Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đăng D số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn là 263.277.808,2 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Đăng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà Hà Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đường Văn Đ, bà Mông Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- TAND Khu vực 2 – Cao Bằng;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na